

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/02/2023  
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Trần Thị Dung**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thùy My**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 676/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số ..., đường ..., khu vực ..., phường ..., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông **Ngô Hồng N**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số ..., đường ..., khu vực ..., phường ..., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày, yêu cầu:* Trước đây do quen biết tự nguyện tìm hiểu nên bà và ông N tự nguyện chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ..., thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) ngày 26/6/2003 nay là phường ..., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N nghiện ma túy từ đó giữa vợ chồng bắt

đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi. Mặc dù cả hai đã nhiều lần cố gắng bỏ qua mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân khoảng từ tháng 5/2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn với nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Hồng N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông N có 02 con chung là Ngô Thị Anh Th (nữ) sinh ngày 27/6/2004, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Ngô Thị Anh T, sinh ngày 04/04/2006 bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Vụ án không hòa giải được do ông Ngô Hồng N vắng mặt tại các lần hòa giải, đồng thời bà Trần Thị S cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu được nuôi con nên xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn – ông Ngô Hồng N được Tòa án triệu hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời bà Trần Thị S cũng có đơn yêu cầu không hòa giải. Vì vậy, căn cứ Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị S và ông Ngô Hồng N kết hôn với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn kéo

dài, nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm nên từ đó tình cảm giữa vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị S và ông Ngô Hồng N thật sự trầm trọng, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng không quan tâm thăm hỏi lẫn nhau, cũng không tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên kéo dài quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Đối với ông N mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông N không đến tham dự phiên hòa giải và phiên tòa cho thấy rằng ông N cũng không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà Trần Thị S. Hơn nữa, khi Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng thì bà Trần Thị S không đồng ý và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án mà không cần tiến hành thủ tục hòa giải. Do đó, mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa bà Trần Thị S và ông Ngô Hồng N thực sự trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trâm theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hoàn toàn phù hợp.

*[4] Về con chung:*

Đối với cháu Ngô Thị Anh Th (nữ) sinh ngày 27/6/2004, hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu T tại Bản tự khai ngày 06/01/2023 cháu T có nguyện vọng được chung sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Đối với ông N từ khi thụ lý và giải quyết đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông N không đến tham dự phiên tòa nên không xác định được ông N có yêu cầu nuôi con hay không. Vì vậy, giao cháu Ngô Thị Anh T (nữ), sinh ngày 04/04/2006 bà Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông N theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Trần Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết thành một vụ kiện khác.

*[5] Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Trần Thị S khai là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

*[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Căn cứ tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị S được ly hôn với ông Ngô Hồng N.

2. *Về con chung:* Đối với cháu Ngô Thị Anh Th (nữ) sinh ngày 27/6/2004, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu Ngô Thị Anh T (nữ), sinh ngày 04/04/2006 cho bà Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Ngô Hồng N theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết thành một vụ kiện khác.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Trần Thị S đã nộp theo biên lai thu số 0000327 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà Trần Thị S đã nộp xong án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND Q. Ninh Kiều;
- UBND An Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lai Ngọc Trí**